

CAM KẾT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRONG RCEP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

LÊ ĐÌNH QUYẾT

Khoa Pháp luật quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội

Department of International Law, Hanoi Law University

Email: ledinhquyet308@gmail.com

Ngày nhận bài: 1/6/2026

Ngày sửa bài: 15/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 25/6/2026

Tóm tắt:

Là một trong những hiệp định thương mại tự do (FTA) lớn nhất trong lịch sử, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) hứa hẹn sẽ mang lại nhiều cơ hội lớn cho Việt Nam. Hiệp định này không chỉ gói gọn trong các lĩnh vực truyền thống như thương mại hàng hóa, dịch vụ hay sở hữu trí tuệ, mà còn yêu cầu các quốc gia thành viên phải mở cửa một cách sâu rộng trong nhiều lĩnh vực khác. Một trong số đó là các cam kết liên quan đến thương mại điện tử, một nhân tố đang ngày càng trở nên quan trọng trong bối cảnh cả thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng 4.0. Bài viết sau đây sẽ phân tích các quy định về thương mại điện tử trong khuôn khổ RCEP, để từ đó làm rõ các thuận lợi và thách thức mà các cam kết này đặt ra cho Việt Nam.

Từ khóa: RCEP, thương mại điện tử, Việt Nam

E-commerce commitments under the RCEP and issues for Vietnam

Abstract:

As one of the largest free trade agreements (FTAs) in history, the Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) is expected to create significant opportunities for Vietnam. The Agreement extends beyond traditional areas such as trade in goods, services, and intellectual property to encompass a range of emerging fields. Among these, e-commerce has become increasingly important in the context of rapid digital transformation and the Fourth Industrial Revolution. This study analyzes the provisions on e-commerce under the RCEP framework and, on that basis, clarifies the opportunities and challenges that these commitments pose for Vietnam.

Keywords: RCEP, e-commerce, Vietnam

1. Đặt vấn đề

Thương mại điện tử (TMĐT) ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu thương mại và quá trình chuyển đổi số của Việt Nam. Theo thông tin do Bộ Công Thương công bố tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, quy mô TMĐT Việt Nam năm 2025 đạt khoảng 31 tỷ USD, tăng 25,5% và chiếm khoảng 10% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (Bộ Công Thương, 2025). Số liệu này cho thấy yêu cầu đánh giá cam kết quốc tế đã chuyển từ dự báo mở rộng thị trường sang quản trị một thị trường số có quy mô đáng kể.

Quy mô thị trường tăng nhanh mở rộng cơ hội kinh doanh, đồng thời làm gia tăng yêu cầu về độ tin cậy của giao dịch, khả năng bảo vệ dữ liệu và năng lực xử lý vi phạm xuyên biên giới. Tuy nhiên, số liệu doanh thu hoặc quy mô thị trường không tự chứng minh mức độ hưởng lợi của doanh nghiệp Việt Nam từ RCEP. Cần phân biệt tăng trưởng TMĐT nói chung với tác động của một hiệp định cụ thể, bởi kết quả thị trường còn phụ thuộc vào hạ tầng thanh toán, logistics, mức độ phổ cập Internet và chiến lược của các nền tảng. Bài viết sử dụng số liệu năm 2025 để xác định bối cảnh thực thi, không coi đây là bằng chứng về quan hệ nhân quả giữa RCEP và tăng trưởng TMĐT.

Khung pháp luật trong nước cũng đã thay đổi đáng kể. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 có hiệu lực từ ngày 01/7/2024; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026; Luật Thương mại điện tử năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 (Quốc hội, 2023; Quốc hội, 2025a; Quốc hội 2025b). Vì vậy, đánh giá triển vọng của Việt Nam cần đặt cam kết RCEP trong quan hệ với các đạo luật mới, thay vì chỉ dựa vào Luật Giao dịch điện tử năm 2005 và khung quản lý TMĐT ở thời điểm ký kết hiệp định.

2. Giới thiệu sơ lược về hiệp định RCEP

RCEP được ký ngày 15/11/2020 giữa 10 quốc gia ASEAN và năm đối tác gồm Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và New Zealand. Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 01/01/2022 (Bộ Công Thương, 2021). Đây là một hiệp định thương mại tự do quy mô lớn, kết nối các thị trường có quan hệ sản xuất, cung ứng và tiêu dùng mật thiết trong khu vực. RCEP không phải là một tổ chức quốc tế hay liên minh kinh tế; giá trị của hiệp định nằm ở việc thiết lập khung cam kết chung về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực liên quan.

Mục tiêu của RCEP là thiết lập quan hệ đối tác kinh tế hiện đại, toàn diện, chất lượng cao và cùng có lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thương mại và đầu tư trong khu vực, góp phần vào tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn cầu. Hiệp định này được kỳ vọng sẽ mở ra một thị trường rộng lớn, thịnh vượng, đồng thời nâng cao mức sống và tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân trong cả khu vực.

Để đạt được những mục tiêu và kỳ vọng này, các bên ký kết RCEP hướng tới việc mở rộng hơn nữa tự do hóa thương mại, thông qua việc dỡ bỏ các rào cản thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa nội khối, dỡ bỏ các rào cản đối với các ngành dịch vụ, cũng như cải thiện môi trường kinh doanh thông qua các quy định liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động mua sắm của chính phủ và TMĐT.

Hiệp định RCEP bao gồm 20 chương, trong đó Chương XII được dành riêng cho những quy định về TMĐT. Các quy định trong Chương này tập trung vào việc nâng cao số hóa thương mại, thông qua việc làm gia tăng tính tin cậy của giao dịch và tạo niềm tin cho những khách hàng sử dụng loại dịch vụ này.

3. Khái quát chung về thương mại điện tử

Theo cách tiếp cận của WTO, TMĐT bao gồm các hoạt động sản xuất, phân phối, tiếp thị, bán hoặc giao hàng hóa và dịch vụ bằng phương tiện điện tử (World Trade Organization, 2017). Cách tiếp cận theo chức năng này giúp phân biệt phương thức thực hiện giao dịch với bản chất pháp lý của hàng hóa, dịch vụ được giao dịch.

Trong bài viết, TMĐT được hiểu là việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử. Khi xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tại Việt Nam, cần áp dụng khung pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Thương mại điện tử năm 2025 và Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (Quốc hội, 2023; Quốc hội, 2025b). Việc đặt hàng trên mạng không làm mất đi các yêu cầu pháp lý đối với hàng hóa, dịch vụ và nghĩa vụ bảo vệ người tiêu dùng.

Các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT gồm Chính phủ (Government - G), Doanh nghiệp (Business - B), Khách hàng cá nhân (Customers - C). Hoạt động này có thể được tiến hành thông qua nhiều mô hình khác nhau để phù hợp mục tiêu của từng doanh nghiệp. Trong đó, ba mô hình được áp dụng chủ yếu tại Việt Nam hiện nay đó là B2B, B2C, và C2C.

B2B (Business to Business) là mô hình giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp bằng phương tiện điện tử. Doanh nghiệp mua có thể sử dụng sản phẩm làm đầu vào cho sản xuất, cung ứng dịch vụ hoặc tiếp tục phân phối; mô hình này không chỉ giới hạn ở việc mua để bán lại. Trong thương mại xuyên biên giới, B2B có thể hỗ trợ tìm kiếm đối tác, giao kết hợp đồng và phối hợp chuỗi cung ứng.

B2C (Business to Consumer) là hình thức kinh doanh từ công ty, doanh nghiệp đến khách hàng. Các hoạt động giao dịch, mua bán diễn ra thông qua mạng lưới internet và phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân.

C2C (Consumer to Consumer) là mô hình giao dịch giữa các cá nhân, thường được hỗ trợ bởi nền tảng trung gian. Ranh giới giữa C2C và hoạt động kinh doanh chuyên nghiệp cần được xem xét theo tính chất và mức độ tổ chức của hoạt động, không chỉ theo tên gọi tài khoản. Việc nhận diện đúng chủ thể có ý nghĩa đối với nghĩa vụ cung cấp thông tin, thuế và trách nhiệm khi phát sinh tranh chấp.

4. Quy định của RCEP về thương mại điện tử

Chương 12 RCEP kết hợp nghĩa vụ xây dựng khung pháp lý với các cam kết hợp tác và nỗ lực tạo thuận lợi cho TMĐT. Không phải tất cả quy định đều có cùng mức độ ràng buộc; cần phân biệt nghĩa vụ bắt buộc với nghĩa vụ nỗ lực và nhận định mang tính nguyên tắc. Chương này không áp dụng đối với mua sắm chính phủ và thông tin do một bên nắm giữ hoặc xử lý, hoặc được nắm giữ hay xử lý nhân danh bên đó. Các nghĩa vụ về dữ liệu và cơ sở điện toán còn phải được đọc cùng phạm vi áp dụng, cam kết dịch vụ, đầu tư và ngoại lệ tương ứng tại Điều 12.3 (Quốc hội, 2023; Quốc hội, 2025b).

4.1. Vấn đề bảo vệ người tiêu dùng trên mạng

Điều 12.7 RCEP yêu cầu các thành viên ban hành hoặc duy trì pháp luật bảo vệ người tiêu dùng sử dụng TMĐT trước hành vi gian lận, gây nhầm lẫn làm phát sinh thiệt hại hoặc nguy cơ thiệt hại. Thành viên còn phải công khai thông tin về cơ chế bảo vệ, bao gồm cách người tiêu dùng yêu cầu biện pháp khắc phục và cách doanh nghiệp tuân thủ pháp luật. Do đó, nghĩa vụ minh bạch không chỉ liên quan đến biện pháp dự kiến ban hành mà còn đến cơ chế bảo vệ đang được cung cấp (Các quốc gia thành viên RCEP, 2020).

CPTPP cũng có cách tiếp cận tương tự, yêu cầu các quốc gia thành viên thông qua các quy định pháp luật nhằm bảo vệ người tiêu dùng trước những hành vi nói trên (Điều 14.7 CPTPP).

4.2. Vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng của người tiêu dùng

Dữ liệu cá nhân là đầu vào quan trọng của hoạt động phân tích nhu cầu, quảng cáo và cá nhân hóa dịch vụ. Việc thu thập và sử dụng dữ liệu có thể nâng cao hiệu quả kinh doanh nhưng cũng phát sinh nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, phân biệt đối xử và mất an toàn thông tin. Bảo vệ thông tin cá nhân vì vậy vừa là yêu cầu bảo vệ quyền, vừa là điều kiện củng cố niềm tin vào TMĐT.

Theo Điều 12.8 RCEP, các quốc gia thành viên phải ban hành hoặc duy trì khung pháp lý bảo vệ thông tin cá nhân của người sử dụng TMĐT. Điều 14.8 CPTPP cũng yêu cầu duy trì khung bảo vệ tương ứng. Hai hiệp định cho phép những cách tiếp cận pháp lý khác nhau, bao gồm pháp luật bảo vệ thông tin cá nhân mang tính tổng thể hoặc theo ngành; không buộc mọi thành viên áp dụng một mô hình thể chế thống nhất (Các quốc gia thành viên RCEP, 2020); Các quốc gia thành viên CPTPP, 2018).

Dù không thiết lập một chế độ bảo vệ dữ liệu hoàn toàn thống nhất, hai hiệp định vẫn có những yêu cầu pháp lý cụ thể. RCEP sử dụng từ “shall” đối với việc xem xét các tiêu chuẩn, nguyên tắc, hướng dẫn và tiêu chí của tổ chức hoặc cơ quan quốc tế liên quan; CPTPP sử dụng “should” đối với việc xem xét nguyên tắc và hướng dẫn. Sự khác biệt về cách diễn đạt phản ánh mức độ ràng buộc của nghĩa vụ xem xét, không đồng nghĩa với việc thành viên phải sao chép một tiêu chuẩn quốc tế nhất định.

RCEP còn quy định nghĩa vụ công khai thông tin về bảo vệ thông tin cá nhân, bao gồm biện pháp khắc phục cho cá nhân và yêu cầu tuân thủ đối với doanh nghiệp; trong CPTPP, yêu cầu công khai được diễn đạt theo hướng khuyến nghị. Với Việt Nam, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 tạo cơ sở pháp lý mới cho việc tổ chức thực hiện các yêu cầu này (Quốc hội, 2025a). Hiệu quả bảo vệ cần được đánh giá thông qua khả năng thực hiện quyền, giám sát xử lý dữ liệu và phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền, thay vì chỉ thông qua sự hiện diện của văn bản pháp luật.

4.3. Vấn đề thương mại phi giấy tờ

Điều 12.5 RCEP hướng tới triển khai sáng kiến thương mại phi giấy tờ và yêu cầu nỗ lực chấp nhận chứng từ quản lý thương mại điện tử có giá trị pháp lý tương đương bản giấy, đồng thời nỗ lực công khai chứng từ dưới dạng điện tử. Điều 14.9 CPTPP có cách tiếp cận tương tự. Nội dung này có thể giảm chi phí tuân thủ và thời gian xử lý, nhưng không tạo ra nghĩa vụ công nhận tự động mọi chứng từ điện tử do chủ thể nước ngoài phát hành. Lợi ích thực tế phụ thuộc vào khả năng kết nối hệ thống, tiêu chuẩn dữ liệu và cơ chế xác minh tính xác thực (Các quốc gia thành viên RCEP, 2020); Các quốc gia thành viên CPTPP, 2018).

4.4. Vấn đề chứng thực điện tử và chữ ký điện tử

Tương tự như CPTPP, RCEP đặt ra yêu cầu về việc chấp nhận chứng thực điện tử và chữ ký điện tử. Theo điều 12.6 RCEP, trừ khi pháp luật trong nước có quy định khác, các quốc gia thành viên sẽ không được từ chối giá trị pháp lý của chữ ký chỉ vì chữ ký đó ở dạng điện tử.

Điều 12.6 RCEP cho phép các bên tham gia giao dịch lựa chọn công nghệ và mô hình chứng thực phù hợp, đồng thời có cơ hội chứng minh giao dịch đáp ứng pháp luật về chứng thực điện tử. Khoản 3 cho phép thành viên yêu cầu phương thức chứng thực của một loại giao dịch cụ thể đáp ứng tiêu chuẩn nhất định hoặc được cơ quan được công nhận chứng nhận. Vì vậy, không có cơ sở để kết luận rằng RCEP mặc nhiên cản trở xác thực nhiều yếu tố hoặc các biện pháp bảo mật. Tại Việt Nam, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 là cơ sở quan trọng để kết nối giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu với yêu cầu về độ tin cậy của giao dịch (Quốc hội, 2023; Các quốc gia thành viên RCEP, 2020)

4.5. Về vấn đề đánh thuế hải quan với truyền dẫn điện tử

Điều 12.11 RCEP yêu cầu duy trì thông lệ hiện hành không áp thuế hải quan đối với truyền dẫn điện tử giữa các thành viên, đồng thời cho phép điều chỉnh thông lệ theo các kết quả tiếp theo của quyết định cấp Bộ trưởng WTO. Trong khi đó, Điều 14.3 CPTPP xác lập nghĩa vụ không áp thuế hải quan đối với truyền dẫn điện tử, bao gồm nội dung được truyền dẫn. Cần phân biệt truyền dẫn điện tử với hàng hóa hữu hình được đặt mua trực tuyến: hàng hóa nhập khẩu vẫn chịu chế độ thuế và thủ tục hải quan tương ứng. Cả hai hiệp định đều không loại trừ hoàn toàn thuế nội địa, phí hoặc khoản thu khác nếu áp dụng phù hợp với hiệp định (Các quốc gia thành viên RCEP, 2020); Các quốc gia thành viên CPTPP, 2018).

Bối cảnh WTO đã có những thay đổi đáng chú ý trong năm 2026. Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 14 kết thúc tháng 3/2026 mà chưa đạt kết quả về việc tiếp tục cơ chế tạm hoãn thuế hải quan đối với truyền dẫn điện tử; tháng 5/2026, một nhóm 19 thành viên công bố tiếp tục không áp loại thuế này giữa họ (World Trade Organization, 2026; World Trade Organization, 2026). Diễn biến đó cho thấy cần đánh giá nghĩa vụ theo từng khuôn khổ. Việc cơ chế đa phương không được gia hạn không tự động xóa bỏ nghĩa vụ theo CPTPP hoặc cho phép bỏ qua điều kiện điều chỉnh tại Điều 12.11 RCEP.

4.6. Các quy định về mã nguồn

Điều 14.17 CPTPP hạn chế việc yêu cầu chuyển giao hoặc cho phép truy cập mã nguồn của phần mềm thuộc sở hữu của chủ thể một thành viên khác như điều kiện để nhập khẩu, phân phối, bán hoặc sử dụng phần mềm hay sản phẩm chứa phần mềm. Phạm vi bảo vệ giới hạn ở phần mềm đại trà và không bao gồm phần mềm sử dụng cho hạ tầng trọng yếu. Điều này cũng không loại trừ điều khoản cung cấp mã nguồn trong hợp đồng được đàm phán thương mại, yêu cầu sửa đổi mã nguồn cần thiết để tuân thủ pháp luật phù hợp với hiệp định và các yêu cầu liên quan đến bằng độc quyền sáng chế theo điều kiện của khoản 4 (Các quốc gia thành viên CPTPP, 2018)..

RCEP không thiết lập nghĩa vụ cấm yêu cầu chuyển giao hoặc truy cập mã nguồn tương ứng với Điều 14.17 CPTPP. Tuy nhiên, mã nguồn là một trong các vấn đề được đưa vào đối thoại tại Điều 12.16 RCEP. Sự vắng mặt của một lệnh cấm riêng trong Chương 12 không đồng nghĩa với quyền yêu cầu chuyển giao vô điều kiện: thành viên vẫn phải xem xét pháp luật sở hữu trí tuệ, nghĩa vụ đầu tư, dịch vụ và các điều ước quốc tế khác cùng áp dụng (Các quốc gia thành viên RCEP, 2020); Các quốc gia thành viên CPTPP, 2018).

4.7. Các quy định về lưu chuyển thông tin ra nước ngoài

Điều 12.15(2) RCEP quy định thành viên không ngăn cản việc chuyển thông tin xuyên biên giới bằng phương tiện điện tử khi phục vụ hoạt động kinh doanh của chủ thể thuộc phạm vi bảo hộ. Điều 14.11(2) CPTPP yêu cầu cho phép chuyển thông tin xuyên biên giới, bao gồm thông tin cá nhân, trong hoàn cảnh tương ứng. Khái niệm chủ thể thuộc phạm vi bảo hộ phải được xác định theo từng hiệp định, không thể giản lược thành mọi pháp nhân được thành lập hợp pháp; RCEP có loại trừ và giới hạn cụ thể liên quan đến lĩnh vực tài chính (Các quốc gia thành viên RCEP, 2020); Các quốc gia thành viên CPTPP, 2018).

Điều 12.15(3) RCEP cho phép duy trì hoặc áp dụng biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ nêu trên khi thành viên cho là cần thiết để đạt mục tiêu chính sách công chính đáng, với điều kiện biện pháp không được áp dụng theo cách tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc vô lý hay hạn chế thương mại trá hình. Chú thích 14 giao cho thành viên thực hiện quyết định về tính cần thiết. Ngoài ra, biện pháp được cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu không bị thành viên khác tranh chấp. Đây là ngoại lệ của nghĩa vụ, không phải quy tắc cho phép hạn chế dữ liệu nói chung.

Trong CPTPP, ngoại lệ chính sách công được quy định tại Điều 14.11(3). Ngoài yêu cầu không phân biệt đối xử tùy tiện, vô lý hoặc hạn chế thương mại trá hình, biện pháp không được áp đặt hạn chế đối với việc chuyển thông tin lớn hơn mức cần thiết để đạt mục tiêu. Cách thiết kế này cho phép kiểm tra mối liên hệ giữa biện pháp hạn chế và mục tiêu công, cũng như mức độ hạn chế được áp dụng.

Điểm khác biệt chính là RCEP dành quyền tự đánh giá tính cần thiết cho thành viên thực hiện, còn CPTPP thể hiện rõ giới hạn về mức độ hạn chế. Tuy nhiên, quyền tự đánh giá trong RCEP không làm mất đi điều kiện về mục tiêu chính đáng và cách áp dụng biện pháp. Với Việt Nam, phân tích một biện pháp quản lý dữ liệu cần đối chiếu đồng thời cả hai hiệp định nếu biện pháp thuộc phạm vi điều chỉnh của chúng; không thể viện dẫn ngoại lệ rộng hơn của RCEP để mặc nhiên loại trừ nghĩa vụ CPTPP.

4.8. Các quy định về vị trí của máy chủ hoặc hệ thống máy tính

Điều 12.14(2) RCEP đặt ra nguyên tắc không yêu cầu chủ thể thuộc phạm vi bảo hộ sử dụng hoặc đặt cơ sở điện toán trong lãnh thổ thành viên như điều kiện kinh doanh. Khoản 3 cho phép ngoại lệ vì mục tiêu chính sách công chính đáng hoặc lợi ích an ninh thiết yếu, theo các điều kiện tương ứng. Khái niệm cơ sở điện toán bao gồm máy chủ và thiết bị lưu trữ dùng để xử lý hoặc lưu trữ thông tin cho mục đích thương mại. Quy định này không đồng nhất với nghĩa vụ chuyển giao công nghệ hay chuyển giao quyền sở hữu dữ liệu (Các quốc gia thành viên RCEP, 2020).

Điều 14.13(2) CPTPP cũng quy định nguyên tắc không bắt buộc sử dụng hoặc đặt cơ sở điện toán tại

nước sở tại như điều kiện kinh doanh. Ngoại lệ tại khoản 3 yêu cầu mục tiêu chính sách công chính đáng, cách áp dụng không phân biệt đối xử tùy tiện hoặc vô lý, không hạn chế thương mại trá hình và không áp đặt hạn chế lớn hơn mức cần thiết. Đây là các điều kiện cần được xem xét cùng nhau, thay vì hai ngoại lệ độc lập (Các quốc gia thành viên CPTPP, 2018).

Đối với Việt Nam, chú thích 11 của Điều 12.14 và chú thích 13 của Điều 12.15 RCEP quy định thời hạn chuyển tiếp năm năm kể từ ngày hiệp định có hiệu lực đối với nghĩa vụ tại khoản 2 của từng điều. Cần phân biệt thời hạn chuyển tiếp của hai nghĩa vụ này với hiệu lực của toàn bộ Chương 12. Trên cơ sở RCEP có hiệu lực đối với Việt Nam ngày 01/01/2022, việc chuẩn bị thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ sau giai đoạn chuyển tiếp có ý nghĩa trực tiếp đối với rà soát pháp luật và hướng dẫn doanh nghiệp (Các quốc gia thành viên RCEP, 2020; Bộ Công Thương, 2021).

4.9. Các quy định về việc sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp

Điều 12.17 RCEP yêu cầu tham vấn thiện chí để xử lý khác biệt về giải thích và áp dụng Chương 12; nếu không giải quyết được, bên tham vấn có thể chuyển vấn đề đến Ủy ban hỗn hợp RCEP. Khoản 3 loại trừ việc sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp Chương 19 đối với vấn đề phát sinh theo Chương 12. Việc áp dụng Chương 19 được xem xét trong đợt rà soát chung và chỉ áp dụng giữa các thành viên đồng ý sau khi rà soát hoàn tất. Do đó, không thể kết luận rằng cơ chế tài phán tự động áp dụng khi hết năm năm (Các quốc gia thành viên RCEP, 2020).

CPTPP có cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia tại Chương 28; khả năng áp dụng đối với từng nghĩa vụ TMĐT phải được xác định theo văn bản hiệp định và thỏa thuận liên quan. Sự khác biệt về khả năng cưỡng hành làm cho hợp tác, minh bạch và đối thoại đóng vai trò đặc biệt trong RCEP. Tuy nhiên, việc không sử dụng Chương 19 đối với vấn đề thuộc Chương 12 không loại bỏ trách nhiệm tuân thủ pháp luật trong nước hoặc mọi khả năng phát sinh tranh chấp theo các nghĩa vụ quốc tế khác.

5. Những thuận lợi và thách thức mà các quy định về thương mại điện tử của RCEP đặt ra cho Việt Nam

RCEP đã có hiệu lực đối với Việt Nam từ năm 2022, trong khi thị trường TMĐT tiếp tục mở rộng và khung pháp luật trong nước đã bước sang giai đoạn mới. Vì vậy, thuận lợi và thách thức cần được đánh giá từ góc độ thực thi cam kết, năng lực doanh nghiệp và chất lượng quản trị thị trường số, thay vì xem TMĐT chỉ là một lĩnh vực sẽ được mở cửa trong tương lai.

5.1. Thuận lợi

Các quy định về chứng thực điện tử, thương mại phi giấy tờ và hợp tác tạo nền tảng giảm chi phí giao dịch giữa doanh nghiệp Việt Nam với đối tác RCEP. Cơ hội đặc biệt đáng chú ý là tiếp cận trực tiếp người mua và nhà phân phối ở nhiều thị trường mà không phải thiết lập ngay mạng lưới hiện diện vật lý rộng lớn. Tuy nhiên, bán hàng qua nền tảng không đồng nghĩa với tự động được hưởng ưu đãi thuế quan; hàng hóa vẫn phải đáp ứng quy tắc xuất xứ và yêu cầu tiếp cận thị trường. Lợi ích của TMĐT và lợi ích thuế quan cần được phối hợp trên cơ sở tuân thủ từng nhóm nghĩa vụ.

Với quy mô TMĐT năm 2025 khoảng 31 tỷ USD (Bộ Công Thương, 2025), Việt Nam có thị trường đủ lớn để thúc đẩy đầu tư vào logistics, thanh toán, kho vận và dịch vụ hỗ trợ giao dịch. Các cam kết RCEP có thể hỗ trợ cho quá trình này thông qua giảm bất định pháp lý và mở rộng kết nối khu vực. Đây là khả năng phát triển, không phải kết quả tất yếu của hiệp định. Để chuyển cơ hội thành lợi ích nội địa, doanh nghiệp cần kiểm soát chất lượng hàng hóa, bảo vệ thương hiệu, quản trị hợp đồng và xây dựng năng lực xử lý khiếu nại xuyên biên giới.

Không gian chính sách trong RCEP tạo điều kiện để Việt Nam lựa chọn biện pháp phù hợp với mức độ phát triển và năng lực quản lý. Tuy nhiên, việc khai thác nguồn thu từ nền kinh tế số cần phân

biệt thuế hải quan đối với truyền dẫn điện tử với thuế nội địa đối với thu nhập, doanh thu hoặc tiêu dùng. Thiết kế chính sách thuế phải đồng thời bảo đảm tính khả thi, chi phí tuân thủ và tương thích với các cam kết quốc tế; không nên mặc định rằng thay đổi tại WTO sẽ tạo ngay một nguồn thu ngân sách đáng kể.

Ngoại lệ về chính sách công và an ninh thiết yếu trong RCEP có thể hỗ trợ việc xây dựng biện pháp bảo vệ dữ liệu, phòng ngừa rủi ro an ninh và duy trì khả năng giám sát. Tuy nhiên, tính tương thích của một biện pháp nội địa hóa dữ liệu cần được đánh giá theo đối tượng, loại dữ liệu, mục tiêu và điều kiện áp dụng cụ thể. Không thể khẳng định toàn bộ pháp luật an ninh mạng của Việt Nam tương thích với RCEP chỉ từ sự hiện diện của ngoại lệ trong hiệp định.

Về kỹ thuật và pháp lý, cần phân biệt lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam, đặt cơ sở điện toán tại Việt Nam và ngăn cản chuyển dữ liệu ra nước ngoài. Các yêu cầu này có thể liên quan nhưng không đồng nhất: việc lưu một bản dữ liệu trong nước không tự động có nghĩa toàn bộ hệ thống phải đặt tại Việt Nam hoặc cấm mọi bản sao chuyển ra nước ngoài. Phân biệt chính xác giúp lựa chọn biện pháp đáp ứng mục tiêu quản lý mà không gây chi phí vượt mức cần thiết.

Khung pháp luật mới về giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân và TMĐT cung cấp cơ sở để nâng cao niềm tin số (Quốc hội, 2023; Quốc hội, 2025a; Quốc hội 2025b). Cơ hội chính sách của Việt Nam vì vậy không chỉ nằm ở quyền hạn chế hoạt động, mà còn ở khả năng quy định rõ trách nhiệm, thiết lập cơ chế thực hiện quyền và tạo môi trường tuân thủ dễ dự báo. Chính sách có chất lượng sẽ đồng thời bảo vệ người sử dụng và giảm bất định cho nhà đầu tư, nhà cung cấp dịch vụ.

Việc RCEP chưa thiết lập lệnh cấm riêng về mã nguồn cũng mở ra dư địa đối thoại và hợp tác công nghệ. Tuy nhiên, hướng phát triển bền vững là thúc đẩy nghiên cứu, đào tạo, thỏa thuận cấp phép và chuyển giao tự nguyện; yêu cầu tiếp cận mã nguồn phải có cơ sở pháp lý và mục đích cụ thể, đồng thời bảo vệ bí mật kinh doanh và xem xét nghĩa vụ CPTPP. Năng lực công nghệ không thể được suy ra chỉ từ khả năng tiếp cận mã nguồn, mà còn phụ thuộc vào nhân lực và khả năng hấp thụ, cải tiến công nghệ.

5.2. Thách thức

Áp lực cạnh tranh đối với doanh nghiệp trong nước có thể gia tăng khi người tiêu dùng dễ tiếp cận hàng hóa và dịch vụ từ đối tác nước ngoài. Doanh nghiệp Việt Nam có thể gặp bất lợi về vốn, thương hiệu, chất lượng dịch vụ và khả năng phân tích thị trường. Tuy nhiên, không nên xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam bằng một nhận định tổng quát thiếu chỉ số và thời điểm đo lường. Thách thức cần được xác định theo ngành hàng, quy mô doanh nghiệp và phân khúc thị trường để thiết kế hỗ trợ phù hợp.

Sự phụ thuộc vào nền tảng trung gian còn có thể làm gia tăng chi phí tiếp cận khách hàng và giảm quyền chủ động của người bán đối với dữ liệu, quảng cáo và điều kiện giao dịch. Đây là vấn đề cần theo dõi bằng công cụ cạnh tranh và quản lý nền tảng, thay vì suy đoán rằng mọi nền tảng nước ngoài đều sẽ chiếm lĩnh thị trường. Hỗ trợ doanh nghiệp đa dạng hóa kênh phân phối, xây dựng thương hiệu và quản trị dữ liệu khách hàng hợp pháp là giải pháp trực tiếp hơn để giảm phụ thuộc.

Lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới hỗ trợ kinh doanh nhưng cũng đặt ra khó khăn về xác định chủ thể chịu trách nhiệm, giám sát xử lý dữ liệu và thực hiện quyền của người tiêu dùng. Rủi ro xuất hiện khi dữ liệu bị xử lý trái mục đích, thiếu minh bạch hoặc không được bảo vệ thích đáng; không phải mọi hoạt động chuyển dữ liệu đều dẫn tới việc thao túng người dùng. Việt Nam cần kết hợp yêu cầu pháp lý rõ ràng với năng lực kiểm tra và hợp tác quốc tế, đồng thời bảo đảm biện pháp hạn chế phù hợp các ngoại lệ của hiệp định.

Thách thức còn nằm ở khả năng thực thi trong môi trường giao dịch phân tán: người bán, nền tảng, nhà cung cấp thanh toán và người mua có thể hiện diện tại các quốc gia khác nhau. Các vấn đề về chứng cứ

điện tử, tổng đạt, hoàn tiền và thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp không được tự động xử lý chỉ bằng nghĩa vụ giữa các quốc gia trong RCEP. Bên cạnh đó, khoảng cách kỹ năng số và hạ tầng giữa các nhóm doanh nghiệp có thể khiến lợi ích tập trung vào chủ thể có năng lực sẵn có. Do đó, chính sách hỗ trợ cần hướng tới khả năng tham gia thực chất của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Kết luận

RCEP tạo nền tảng thúc đẩy TMDT thông qua tăng độ tin cậy của giao dịch, hợp tác và thuận lợi hóa thương mại, đồng thời duy trì không gian chính sách tương đối rộng về dữ liệu và an ninh. Số liệu năm 2025 cho thấy thị trường Việt Nam đã đạt quy mô đáng kể, nhưng mở rộng thị trường không tự bảo đảm lợi ích tương xứng cho doanh nghiệp trong nước. Khả năng tận dụng hiệp định phụ thuộc vào sự phối hợp giữa thực thi pháp luật và nâng cao năng lực kinh doanh.

Trước hết, Việt Nam cần rà soát các biện pháp liên quan đến dữ liệu và cơ sở điện toán theo đúng phạm vi, thời hạn chuyển tiếp và ngoại lệ của RCEP, đồng thời đối chiếu với CPTPP. Tiếp theo, cần tổ chức thực thi đồng bộ Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Luật Thương mại điện tử, làm rõ trách nhiệm của các chủ thể trong chuỗi giao dịch và bảo đảm cơ chế khắc phục dễ tiếp cận.

Bên cạnh đó, hỗ trợ doanh nghiệp nên tập trung vào kỹ năng xuất khẩu trực tuyến, quản trị hợp đồng, chứng từ điện tử, tiêu chuẩn sản phẩm, logistics và bảo vệ thương hiệu. Phát triển năng lực công nghệ cần dựa trên nghiên cứu, đào tạo và hợp tác chuyển giao phù hợp pháp luật, thay vì mặc định áp đặt yêu cầu tiết lộ mã nguồn hoặc liên doanh. Cuối cùng, cần khai thác cơ chế hợp tác RCEP để trao đổi thông tin, phối hợp bảo vệ người tiêu dùng và xử lý rủi ro an ninh. Cách tiếp cận này giúp gắn tăng trưởng TMDT với chất lượng quản trị và khả năng tham gia bền vững của doanh nghiệp Việt Nam ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

Bộ Công Thương (2021), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực RCEP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-doi-tac-kinh-te-toan-dien-khu-vuc-rcep-co-hieu-luc-tu-ngay-01-thang-01-nam-2022.html>.

Bộ Công Thương (2025), Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số tổng kết công tác năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026, Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/cuc-thuong-mai-dien-tu-va-kinh-te-so-tong-ket-cong-tac-nam-2025-va-trien-khai-nhiem-vu-nam-2026.html>.

Các quốc gia thành viên CPTPP (2018), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương, Chương 14 Thương mại điện tử của TPP được dẫn nhập vào CPTPP, <https://www.mfat.govt.nz/assets/Trade-agreements/TPP/Text-ENGLISH/14.-Electronic-Commerce-Chapter.pdf>.

Các quốc gia thành viên RCEP (2020), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực, Chương 12 Thương mại điện tử, <https://www.dfat.gov.au/sites/default/files/rcep-chapter-12.pdf>.

Quốc hội (2023), Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, ngày 22/6/2023.

Quốc hội (2025a), Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, ngày 26/6/2025.

Quốc hội (2025b), Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15, ngày 10/12/2025.

World Trade Organization (2017), Electronic Commerce, https://www.wto.org/english/thewto_e/minist_e/mc11_e/briefing_notes_e/bfecom_e.htm.

World Trade Organization (2026), General Council chair outlines next steps to build on momentum from MC14 negotiations, ngày 06/5/2026, https://www.wto.org/english/news_e/news26_e/gc_06may26_386_e.htm.

World Trade Organization (2026), MC14 concludes with adopted decisions, progress on key outstanding issues, , https://www.wto.org/english/news_e/news26_e/mc14_30mar26_354_e.htm.